**PHỤ LỤC**

**Dự kiến kinh phí thực hiện Nghị quyết** **Quy định mức hỗ trợ cho trẻ em, giáo viên, cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Kon Tum**

**-----**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Đối tượng hỗ trợ** | **Mức hỗ trợ** | **Năm học**  **2021 - 2022** | | | | **Dự kiến cho mỗi năm học trong thời gian đến**  *(Khi các Khu công nghiệp của tỉnh phát triển và có đối tượng thụ hưởng chính sách)* | | **Ghi chú** |
| **Số lượng** | | **Kinh phí cần thực hiện** | | **Số lượng** | **Kinh phí thực hiện** |  |
| 1 | Cơ sở giáo dục mầm non độc lập ở địa bàn có khu công nghiệp thuộc loại hình dân lập, tư thục | 20.000.000đ/cơ sở | 0 | | 0 | | 5 | 100.000.000đ | Hiện tại chưa có đối tượng thụ hưởng. |
| 2 | Trẻ em đang học tại các cơ sở giáo dục mầm non thuộc loại hình dân lập, tư thục đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép thành lập và hoạt động theo đúng quy định có cha hoặc mẹ hoặc người chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em là công nhân, người lao động đang làm việc tại các khu công nghiệp được doanh nghiệp ký hợp đồng lao động theo quy định. | 160.000đ/trẻ/tháng x 9 tháng | 40 | | 57.600.000đ | | 80 | 115.200.000đ | Kết quả rà soát lần 2 năm học 2020 - 2021 của thành phố Kon Tum có 31 trẻ thuộc đối tượng thụ hưởng |
| 3 | Giáo viên mầm non đang làm việc tại các cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép thành lập và hoạt động theo quy định | 800.000 đồng/tháng x 9 tháng | 0 | | 0 | | 10 | 72.000.000đ | Hiện tại chưa có giáo viên thuộc đối tượng thụ hưởng |
| **Tổng kinh phí** | | | |  | | **57.600.000đ** |  | **287.200.000đ** |  |